

Số: /KH-UBND

Lào Cai, ngày

tháng 02 năm 2026

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia năm 2026

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị quyết 57-NQ/TW); Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật chương trình hành động của chính phủ thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW;

Thực hiện Kế hoạch số 34-KH/TU ngày 16/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026; Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 03/02/2026 của UBND tỉnh Lào Cai thực hiện Đề án 11: Đẩy mạnh phát triển hạ tầng số, nâng cao tỷ trọng kinh tế số trở thành động lực tăng trưởng mới của nền kinh tế giai đoạn 2026 - 2030;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW năm 2026, như sau:

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích

- Cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW trong phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể hóa đầy đủ và kịp thời các mục tiêu, nhiệm vụ đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy xác định, chuyển các định hướng chính trị thành nhiệm vụ, giải pháp và sản phẩm cụ thể trong tổ chức thực hiện.

- Chuyển mạnh từ tư duy “xây dựng kế hoạch” sang “tổ chức thực hiện theo mục tiêu và sản phẩm đầu ra”. Chuyển từ giai đoạn “khởi động, chuẩn bị” sang “hành động, tăng tốc”, tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế, hạ tầng, dữ liệu và nguồn nhân lực.

- Đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trở thành động lực then chốt thúc đẩy tăng trưởng GRDP, cải cách hành chính và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

### 2. Yêu cầu

- Xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của từng sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã; đề cao vai trò người đứng đầu; lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực.

- Từng nhiệm vụ phải có sản phẩm đầu ra cụ thể, đo lường được, gắn với tiến độ và nguồn lực thực hiện, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 và các kế hoạch chuyên ngành khác, qua đó tạo chuyển biến rõ nét, thực chất kết quả thực hiện Nghị quyết trong năm 2026.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

Tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo hướng hành động, tăng tốc, tạo kết quả thực chất. Thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đóng góp trực tiếp vào tăng trưởng kinh tế, nâng cao hiệu quả quản trị nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

### **2. Các mục tiêu cụ thể**

*(Có Phụ lục số 01 kèm theo)*

## **II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM**

### **1. Về chuyển đổi số**

Tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, dự án về chuyển đổi số đề ra tại Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Chuyển đổi số tỉnh Lào Cai năm 2026, Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 03/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Đề án 11 - Đẩy mạnh phát triển hạ tầng số, nâng cao tỷ trọng kinh tế số trở thành động lực tăng trưởng mới của nền kinh tế giai đoạn 2026 - 2030.

### **2. Tổ chức và quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ**

- Tổ chức triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ theo hướng xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, bài toán cụ thể của tỉnh và của từng ngành, lĩnh vực; ưu tiên các nhiệm vụ phục vụ trực tiếp phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- Thực hiện cơ chế đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ gắn với địa chỉ ứng dụng cụ thể; từng bước giảm các nhiệm vụ nghiên cứu dàn trải, thiếu đầu ra.

- Đổi mới công tác quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ theo toàn bộ vòng đời nhiệm vụ, từ khâu xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, giao nhiệm vụ, triển khai thực hiện, nghiệm thu, đến theo dõi, đánh giá sau nghiệm thu.

- Lấy kết quả ứng dụng, chuyển giao và hiệu quả mang lại là tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng nhiệm vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ.

### **3. Xác định và giải quyết các bài toán lớn của tỉnh**

Lựa chọn một số bài toán lớn, trọng tâm gắn với lợi thế, tiềm năng và dư địa phát triển của tỉnh Lào Cai để tập trung tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, như: phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến - chế tạo, du lịch, logistics và kinh tế cửa khẩu, bảo vệ

môi trường, y tế, giáo dục và quản trị đô thị. Mỗi bài toán xác định rõ mục tiêu, sản phẩm đầu ra, đơn vị tiếp nhận, lộ trình thực hiện và mốc đánh giá kết quả theo từng giai đoạn.

#### **4. Ứng dụng, chuyển giao và thương mại hóa kết quả nghiên cứu**

- Gắn kết hoạt động nghiên cứu khoa học với sản xuất, kinh doanh và quản lý nhà nước; thúc đẩy chuyển giao, ứng dụng và thương mại hóa kết quả nghiên cứu, sáng kiến, giải pháp kỹ thuật vào thực tiễn. Ưu tiên các nhiệm vụ có sự tham gia, đồng tài trợ của doanh nghiệp; khuyến khích doanh nghiệp đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ để giải quyết các vấn đề trong sản xuất, kinh doanh.

- Rà soát, đánh giá hiệu quả ứng dụng các nhiệm vụ khoa học, công nghệ đã nghiệm thu; kiên quyết dừng, điều chỉnh hoặc không tiếp tục triển khai các nhiệm vụ kém hiệu quả, không có khả năng ứng dụng thực tế.

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế chia sẻ lợi ích giữa Nhà nước - tổ chức chủ trì và doanh nghiệp tiếp nhận khi thương mại hóa kết quả nghiên cứu; gắn tỷ lệ phân chia lợi ích với mức độ đóng góp vốn, tài sản trí tuệ và trách nhiệm đưa kết quả vào ứng dụng thực tế.

#### **5. Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo**

- Từng bước hình thành và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh, gắn kết giữa cơ quan nhà nước, viện, trường, doanh nghiệp và các tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo.

- Thành lập hoặc kiện toàn đầu mối điều phối đổi mới sáng tạo cấp tỉnh; xây dựng danh mục nhu cầu công nghệ của tỉnh để làm cơ sở kết nối với các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp công nghệ trong và ngoài nước.

- Khuyến khích hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp tiếp cận thông tin, công nghệ, chuyên gia, nguồn vốn và thị trường theo quy định của pháp luật và các cơ chế, chính sách của tỉnh.

#### **6. Phát triển nhân lực khoa học, công nghệ và chuyên gia**

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, thu hút, trọng dụng đội ngũ cán bộ, chuyên gia trong lĩnh vực khoa học, công nghệ.

- Gắn đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực khoa học, công nghệ với nhu cầu thực tiễn của tỉnh; ưu tiên đào tạo đội ngũ cán bộ có khả năng tổ chức, quản lý và ứng dụng khoa học, công nghệ trong thực tiễn các ngành, lĩnh vực.

- Hình thành mạng lưới, thu hút các nhà khoa học, cán bộ khoa học, kỹ thuật có trình độ cao tham gia thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ trọng điểm của tỉnh.

- Xây dựng chính sách đặc thù để tạo môi trường làm việc thuận lợi, khuyến khích sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

#### **7. Bố trí và sử dụng hiệu quả nguồn lực**

- Bố trí đủ ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên các nhiệm vụ có tác động lan tỏa, thiết thực, hiệu quả để phát triển kinh tế - xã hội.

- Huy động tối đa các nguồn lực xã hội, nguồn lực từ doanh nghiệp để đầu tư cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo bảo đảm công khai, minh bạch, đúng quy định; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

### **8. Hợp tác trong nước và quốc tế**

Tổ chức lựa chọn, ký kết hợp tác trong nước và quốc tế với các bộ, ngành, viện, trường, doanh nghiệp công nghệ và tổ chức quốc tế nhằm tranh thủ nguồn lực, tri thức, công nghệ và kinh nghiệm phục vụ phát triển khoa học, công nghệ đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

*(Có Phụ lục số 02 kèm theo)*

## **III. DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ**

Theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đặt hàng thực hiện năm 2026; Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030; Danh mục dự án công nghệ thông tin, chuyển đổi số và Đề án 06 năm 2026; Kế hoạch đào tạo, tập huấn lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

## **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Kinh phí năm 2026 thực hiện các nội dung Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách Trung ương; nguồn kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương**

- Căn cứ Kế hoạch này và chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý; bảo đảm tiến độ, chất lượng và sản phẩm đầu ra theo yêu cầu.

- Đối với các nhiệm vụ về chuyển đổi số, thực hiện thống nhất theo Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Lào Cai năm 2026; không xây dựng nhiệm vụ chuyển đổi số trùng lặp trong Kế hoạch này.

- Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp.

### **2. Các viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đào tạo, doanh nghiệp và tổ chức khoa học, công nghệ**

Chủ động phối hợp với các cơ quan nhà nước trong việc đề xuất, triển khai, ứng dụng và chuyển giao các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

tham gia thực hiện các nhiệm vụ đặt hàng của tỉnh; đẩy mạnh ứng dụng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu vào sản xuất - kinh doanh và đời sống xã hội.

### **3. Các cơ quan thông tin, báo chí, truyền thông**

Tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, kết quả triển khai Kế hoạch; giới thiệu các mô hình hay, cách làm hiệu quả, điển hình tiên tiến trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị đột phá về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

#### ***Nơi nhận:***

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc UBND tỉnh;
- Các cơ quan ngành dọc trên địa bàn tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Hiệp hội Doanh nghiệp, Hiệp hội Du lịch tỉnh;
- Các doanh nghiệp nhà nước của tỉnh;
- Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước khu vực IV;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Báo và PTTH, Công TTĐT tỉnh;
- Các chuyên viên tham mưu;
- Lưu: VT, HCQT, HCC, VX, NC.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Ngô Hạnh Phúc**

**PHỤ 01**  
**MỤC TIÊU CỤ THỂ VỀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**  
**ĐỔI MỚI SÁNG TẠO NĂM 2026**

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

| STT      | Mục tiêu                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mục tiêu năm 2026 | Cơ quan, đơn vị, địa phương chủ trì thực hiện                    | Cơ quan theo dõi, tổng hợp |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| <b>I</b> | <b>Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ</b>                                                                                                                                                                                                                                                |                   |                                                                  |                            |
| 1        | Các nhiệm vụ KHCN sử dụng ngân sách nhà nước được xác định theo yêu cầu thực tế được cơ quan nhà nước, địa phương và doanh nghiệp tiếp nhận hoặc ứng dụng ngay từ khâu phê duyệt                                                                                                                  | 100%              | Các tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ                           | Sở Khoa học và Công nghệ   |
| 2        | Nhiệm vụ KHCN và ĐMST sử dụng ngân sách nhà nước được triển khai theo cơ chế đặt hàng nhiệm vụ KHCN                                                                                                                                                                                               | $\geq 70\%$       | Các tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ; Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ   |
| 3        | Các nhiệm vụ KHCN và ĐMST sử dụng ngân sách nhà nước được triển khai theo cơ chế đặt hàng nhiệm vụ KHCN có đồng tài trợ từ doanh nghiệp/địa phương và cam kết đầu ra (hợp đồng/đơn hàng/lộ trình áp dụng).                                                                                        | $\geq 10\%$       | Các tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ; Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ   |
| 4        | Các nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh có kế hoạch triển khai ứng dụng/thương mại hóa và chỉ tiêu đo lường (hiệu quả, phạm vi áp dụng, thời hạn đưa vào sử dụng) kèm cơ chế theo dõi sau nghiệm thu.                                                                                                          | 100%              | Các tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ; Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ   |
| 5        | Lựa chọn vấn đề lớn, mỗi lĩnh vực 01 vấn đề tương ứng với các lĩnh vực KHCN, ĐMST, CDS để tập trung giải quyết thúc đẩy phát triển KHCN, ĐMST, CDS. Mỗi vấn đề phải có: (i) bài toán; (ii) sản phẩm đầu ra; (iii) chỉ tiêu đo lường; (iv) đơn vị tiếp nhận/ứng dụng; (v) mốc hoàn thành theo quý. | 3                 | Các tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ; Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ   |

| STT        | Mục tiêu                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mục tiêu năm 2026 | Cơ quan, đơn vị, địa phương chủ trì thực hiện                    | Cơ quan theo dõi, tổng hợp            |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
| 6          | Nhiệm vụ khoa học, công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước mở mới được quản lý, theo dõi trên nền tảng số do Trung ương triển khai dùng chung; cập nhật đầy đủ thông tin về nhiệm vụ gồm: đặt hàng, tuyển chọn/giao trực tiếp, hợp đồng, giải ngân, nghiệm thu, chuyển giao, theo dõi sau nghiệm thu. | 100%              | Các tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ; Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ              |
| 7          | Thông tin kết quả và tài chính của nhiệm vụ khoa học, công nghệ được minh bạch hóa trên nền tảng số theo quy định; bảo đảm lưu vết, ký số, đối soát tiến độ, giải ngân, sản phẩm.                                                                                                                  | 100%              | Các tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ; Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ              |
| <b>II</b>  | <b>Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ</b>                                                                                                                                                                                                                                                   |                   |                                                                  |                                       |
| 1          | Tổng chi ngân sách cho KHCN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số/ Tổng chi ngân sách                                                                                                                                                                                                                 | $\geq 3\%$        | Các cơ quan, đơn vị, địa phương                                  | Sở Tài chính                          |
| 2          | Tỷ lệ chi nghiên cứu phát triển (R&D)/GRDP                                                                                                                                                                                                                                                         | $\geq 2\%$        | Các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp                    | Sở Tài chính                          |
| 3          | Phát triển tổ chức khoa học công nghệ                                                                                                                                                                                                                                                              | $\geq 2$          | Các cơ quan, đơn vị, địa phương                                  | Sở Khoa học và Công nghệ              |
| 4          | Phát triển doanh nghiệp khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh                                                                                                                                                                                                                                       | $\geq 3$          | Các cơ quan, đơn vị, địa phương                                  | Sở Khoa học và Công nghệ              |
| 5          | Số cán bộ nghiên cứu KHCN toàn tỉnh                                                                                                                                                                                                                                                                | $\geq 650$        | Các cơ quan, đơn vị, địa phương                                  | Sở Khoa học và Công nghệ              |
| <b>III</b> | <b>Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo</b>                                                                                                                                                                                                                                                    |                   |                                                                  |                                       |
| 1          | Số Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo                                                                                                                                                                                                                                                               | $\geq 10$         | Các cơ quan, đơn vị, địa phương                                  | Sở Khoa học và Công nghệ              |
| 2          | Chỉ số PII cấp tỉnh                                                                                                                                                                                                                                                                                | $\leq 23$         | Các cơ quan, đơn vị, địa phương                                  | Sở Khoa học và Công nghệ              |
| 3          | Số doanh nghiệp/Hợp tác xã/hộ kinh doanh được hỗ trợ chuyển đổi số                                                                                                                                                                                                                                 | $\geq 10$         | Sở Khoa học và Công nghệ                                         | Các sở, ban, ngành, địa phương, HHDN, |

| STT       | Mục tiêu                                                                                                                                                      | Mục tiêu năm 2026 | Cơ quan, đơn vị, địa phương chủ trì thực hiện | Cơ quan theo dõi, tổng hợp                                                              |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|
|           |                                                                                                                                                               |                   |                                               | LMHTX và các đơn vị tổ chức, cá nhân có liên quan                                       |
| 4         | Số lớp tập huấn, hướng dẫn kỹ năng ứng dụng công nghệ số, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho doanh nghiệp nhỏ và vừa/hợp tác xã/hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh | $\geq 5$          | Sở Khoa học và Công nghệ                      | Các sở, ban, ngành, địa phương, HHDN, LMHTX và các đơn vị tổ chức, cá nhân có liên quan |
| 5         | Số sáng kiến trong khu vực công được công nhận hàng năm                                                                                                       | $\geq 30$         | Các cơ quan, đơn vị, địa phương               | Sở Khoa học và Công nghệ                                                                |
| 6         | Số lượng sáng kiến cấp tỉnh                                                                                                                                   | 10                | Sở Khoa học và Công nghệ                      | Sở Khoa học và Công nghệ                                                                |
| 7         | Số đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích) hàng năm                                                                                          | 10                | Sở Khoa học và Công nghệ                      | Sở Khoa học và Công nghệ                                                                |
| <b>IV</b> | <b>Chuyển đổi số</b>                                                                                                                                          |                   |                                               |                                                                                         |
|           | Thực hiện theo Phụ lục I, Kế hoạch 215/KH-UBND ngày 31/12/2025                                                                                                |                   |                                               |                                                                                         |

**PHỤ LỤC 02: BIỂU PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CỤ THỂ NĂM 2026**  
 (Kèm theo Kế hoạch số:        /KH-UBND ngày        /02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

| STT      | Nhiệm vụ cụ thể                                                                                                                  | Cơ quan chủ trì          | Cơ quan phối hợp                                                                                                     | Thời hạn hoàn thành                               | Sản phẩm/Kết quả                     |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------|
| <b>I</b> | <b>Công tác chỉ đạo điều hành</b>                                                                                                |                          |                                                                                                                      |                                                   |                                      |
| 1.       | Xây dựng Kế hoạch Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026 - 2030          | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ngành, địa phương và các đơn vị, tổ chức có liên quan                                                        | Quý I/2026                                        | Kế hoạch của UBND tỉnh được ban hành |
| 2.       | Xây dựng Kế hoạch Đẩy mạnh liên kết "ba nhà" trong khoa học công nghệ                                                            | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Hiệp hội doanh nghiệp và các đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan | Quý I/2026                                        | Kế hoạch của UBND tỉnh được ban hành |
| 3.       | Xây dựng Kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026 - 2030                                  | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ngành, địa phương và các đơn vị, tổ chức có liên quan                                                        | Sau khi có hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ | Kế hoạch của UBND tỉnh được ban hành |
| 4.       | Xây dựng dự thảo Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số bản tỉnh Lào Cai năm 2026 | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ngành, địa phương và các đơn vị, tổ chức có liên quan                                                        | Tháng 2/2026                                      | Kế hoạch của UBND tỉnh được ban hành |
| 5.       | Kế hoạch rà soát, đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026       | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ngành, địa phương và các đơn vị, tổ chức có liên quan                                                        | Tháng 3/2026                                      | Kế hoạch của UBND tỉnh được ban hành |

| STT | Nhiệm vụ cụ thể                                                                                                                                       | Cơ quan chủ trì                             | Cơ quan phối hợp                                                      | Thời hạn hoàn thành | Sản phẩm/Kết quả                                                     |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------|
| 6.  | Xây dựng kế hoạch triển khai chiến lược truyền thông tổng thể về KH&CN, ĐMST và CDS                                                                   | Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch             | Sở Khoa học và Công nghệ, Báo và PT,TH tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh      | Tháng 9/2026        | Kế hoạch truyền thông tổng thể được ban hành                         |
| 7.  | Đề xuất và xác định các nhiệm vụ KH&CN mang tính thực tiễn, liên ngành, gắn với địa chỉ ứng dụng cụ thể do các sở/ngành, địa phương đặt hàng          | Sở Khoa học và Công nghệ                    | Sở Tài chính, các sở/ngành và UBND cấp xã                             | Hàng năm từ 2026    | Danh mục nhiệm vụ KH&CN thực tiễn, liên ngành và có địa chỉ ứng dụng |
| 8.  | Tổ chức chuyên đề truyền thông trên Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh Lào Cai; phối hợp tổ chức chính trị xã hội lan tỏa thông tin                  | Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh Lào Cai | Hội Phụ nữ, Đoàn TN, Hội Nông dân, Sở Khoa học và Công nghệ           | Q4/2025 – Q1/2026   | Chương trình chuyên đề phát sóng định kỳ và báo cáo phối hợp         |
| 9.  | Lồng ghép chuyên đề KH&CN, ĐMST và CDS vào chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị, quản lý nhà nước, theo chức danh lãnh đạo, quản lý               | Sở Nội vụ                                   | Trường Chính trị tỉnh                                                 | Q3/2025 – Q2/2026   | Kế hoạch và chương trình bồi dưỡng có nội dung lồng ghép             |
| 10. | Hướng dẫn cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đưa các nội dung KH&CN, ĐMST và CDS vào giáo trình chính khóa                                               | Sở Nội vụ                                   | Trường Chính trị tỉnh, đơn vị bồi dưỡng chuyên môn                    | Q4/2025 – Q2/2026   | Văn bản hướng dẫn và kế hoạch tích hợp nội dung đào tạo              |
| 11. | Căn cứ kế hoạch truyền thông chung cấp tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng kế hoạch tuyên truyền phù hợp | Các sở, ngành                               | Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh, các sở/ngành, đoàn thể | Q3/2025             | Kế hoạch tuyên truyền cấp ngành, cấp xã và đoàn thể được ban hành    |
| 12. | Các sở, ngành tích hợp nội dung KH&CN, ĐMST, CDS vào hoạt động chuyên môn, hội nghị, tập huấn, fanpage, bản tin nội bộ...                             | Các sở, ngành                               | Sở Khoa học và Công nghệ                                              | Q3/2025 – Q2/2026   | Báo cáo tổng hợp kết quả truyền thông chuyên môn nội bộ              |

| STT | Nhiệm vụ cụ thể                                                                                                                                                           | Cơ quan chủ trì                 | Cơ quan phối hợp                                   | Thời hạn hoàn thành | Sản phẩm/Kết quả                                                         |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| 13. | Các tổ chức chính trị – xã hội tổ chức tuyên truyền đến hội viên về tiện ích số, kỹ năng số, bảo vệ dữ liệu cá nhân và ứng dụng đổi mới sáng tạo                          | Hội LHPN, Đoàn TN, Hội ND, LĐLĐ | Sở Khoa học và Công nghệ                           | Q4/2025 – Q3/2026   | Chương trình truyền thông phổ biến kỹ năng số trong hội viên             |
| 14. | Gắn kết nhiệm vụ KH&CN, ĐMST và CDS với các mục tiêu phát triển KT-XH, cải cách hành chính, môi trường đầu tư, phát triển nhân lực, phục vụ người dân                     | Sở Khoa học và Công nghệ        | Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp                | Q4/2025 – Q2/2026   | Báo cáo tích hợp nhiệm vụ KH&CN, CDS với các mục tiêu phát triển         |
| 15. | Rà soát, đánh giá toàn bộ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách cấp tỉnh về KH&CN, ĐMST, CDS, dữ liệu số, kinh tế số, đô thị thông minh, chính quyền số | Sở Khoa học và Công nghệ        | Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính | Q3–Q4/2025          | Báo cáo tổng hợp kết quả rà soát hệ thống văn bản                        |
| 16. | Xây dựng danh mục cơ chế, chính sách cần sửa đổi, bổ sung, ban hành mới; trình UBND tỉnh kế hoạch hoàn thiện thể chế đến năm 2030                                         | Sở Khoa học và Công nghệ        | Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh                    | Q2–Q3/2026          | Danh mục đề xuất và kế hoạch hoàn thiện thể chế trình UBND tỉnh          |
| 17. | Thiết lập cơ chế huy động và lồng ghép nguồn lực từ doanh nghiệp, viện, trường, quỹ đầu tư vào chương trình nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số                 | Sở Khoa học và Công nghệ        | Sở Tài chính, Liên minh HTX, Hiệp hội doanh nghiệp | Q4/2025 – Q2/2026   | Cơ chế phối hợp và kế hoạch huy động nguồn lực ngoài ngân sách           |
| 18. | Khuyến khích doanh nghiệp trên địa bàn đóng góp vào Quỹ đầu tư mạo hiểm như một phần trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và kết nối với các quỹ quốc gia, tư nhân         | Sở Khoa học và Công nghệ        | Sở Công Thương, Hiệp hội doanh nghiệp              | Q4/2026             | Danh mục doanh nghiệp, thỏa thuận đóng góp và kết nối với quỹ ngoài tỉnh |

| STT | Nhiệm vụ cụ thể                                                                                                                                                                | Cơ quan chủ trì                 | Cơ quan phối hợp                  | Thời hạn hoàn thành              | Sản phẩm/Kết quả                                                        |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| 19. | Rà soát, sửa đổi và ban hành chính sách hỗ trợ, ưu đãi đầu tư đặc thù cho doanh nghiệp công nghệ cao, khởi nghiệp sáng tạo, ứng dụng công nghệ mới                             | Sở Khoa học và Công nghệ        | Sở Công Thương, Sở Tài chính      | Q4/2025 – Q2/2026                | Chính sách hỗ trợ, ưu đãi đầu tư mới ban hành áp dụng tại Lào Cai       |
| 20. | Tạo cơ chế 'đặt hàng công nghệ' từ phía nhà nước cho doanh nghiệp công nghệ trong tỉnh giải quyết bài toán quản lý và chuyển đổi số                                            | Sở Khoa học và Công nghệ        | Văn phòng UBND tỉnh, các sở/ngành | Q4/2026                          | Cơ chế đặt hàng công nghệ và danh mục nhiệm vụ ưu tiên triển khai       |
| 21. | Lồng ghép các dự án đầu tư công trung hạn và hằng năm của tỉnh với hạng mục ưu tiên về hạ tầng số                                                                              | Sở Tài chính                    | Sở Khoa học và Công nghệ          | Từ kỳ lập KH trung hạn 2026–2030 | Danh mục dự án đầu tư công có hạng mục ưu tiên hạ tầng số được tích hợp |
| 22. | Tổ chức đấu thầu công khai, minh bạch các dịch vụ số phục vụ chính quyền, công ích, doanh nghiệp và người dân                                                                  | Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã | Sở Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh | Thường xuyên                     | Danh mục gói thầu số và kết quả đấu thầu công khai minh bạch            |
| 23. | Xây dựng danh mục ưu tiên các dự án số có thể xã hội hóa hoặc đầu tư PPP; công khai trên Cổng thông tin tỉnh hằng năm                                                          | Sở Tài chính                    | Sở Khoa học và Công nghệ          | Hằng năm từ 2026                 | Danh mục dự án số công khai trên Cổng thông tin điện tử tỉnh            |
| 24. | Ban Chỉ đạo chỉ đạo xây dựng kế hoạch tổng thể, phân công nhiệm vụ, kiểm tra và tháo gỡ vướng mắc trong triển khai                                                             | Ban Chỉ đạo cấp tỉnh            | Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã   | Từ Q1/2026                       | Kế hoạch tổng thể và cơ chế giám sát, đôn đốc thực hiện liên ngành      |
| 25. | Giao thủ trưởng sở, ngành, chủ tịch UBND xã/phường chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh về việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ được giao | Văn phòng UBND tỉnh             | Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã   | Q1/2026                          | Văn bản chỉ đạo phân công rõ trách nhiệm và chế tài thực hiện           |

| STT | Nhiệm vụ cụ thể                                                                                                                                                                                            | Cơ quan chủ trì          | Cơ quan phối hợp                             | Thời hạn hoàn thành | Sản phẩm/Kết quả                                                               |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|----------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| 26. | Xác định 03 bài toán lớn năm 2026 ( <i>Các bài toán lớn năm 2026 được lựa chọn trên cơ sở các trụ cột của Đề án 11 và yêu cầu thực tiễn của tỉnh</i> )                                                     | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở ngành liên quan                       | Quý 2/2026          | Văn bản của UBND tỉnh giao nhiệm vụ triển khai                                 |
| 27. | Mỗi đơn vị phải phân công cán bộ đầu mỗi phụ trách từng trụ cột và cập nhật kết quả lên hệ thống điều hành/dashboards theo dõi chung                                                                       | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh | Q1–Q2/2026          | Danh sách cán bộ đầu mỗi, hướng dẫn cập nhật hệ thống và bảng theo dõi tiến độ |
| 28. | Kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN, ĐMST, CDS, CCHC là tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương                                                       | Sở Nội vụ                | Sở Khoa học và Công nghệ                     | Q2–Q4/2026          | Quy định tích hợp nội dung KH&CN, ĐMST, CDS, CCHC vào đánh giá cán bộ          |
| 29. | Xây dựng bộ chỉ số đánh giá mức độ đổi mới sáng tạo cấp sở, ngành, địa phương theo cấu trúc PII                                                                                                            | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Tài chính, Sở Nội vụ                      | Q2–Q4/2026          | Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo áp dụng cấp sở, ngành, địa phương ban hành          |
| 30. | Gắn kết quả thực hiện bộ chỉ số đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số với việc đánh giá, chấm điểm thi đua của các sở, ngành, địa phương và việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu hàng năm | Sở Nội vụ                | Sở Khoa học và Công nghệ                     | Q2–Q3/2026          | Văn bản liên thông tiêu chí đánh giá với thi đua hàng năm                      |
| 31. | Cảnh báo chậm tiến độ cho Ban Chi đạo tỉnh                                                                                                                                                                 | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ngành, địa phương                    | Thường xuyên        | Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch theo định kỳ                                |
| 32. | Thống nhất sử dụng hệ thống điều hành UBND tỉnh hoặc nền tảng báo cáo số chuyên dụng để cập nhật, theo dõi tiến độ thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW                                                           | Văn phòng UBND tỉnh      | Sở Khoa học và Công nghệ                     | Q1/2026             | Văn bản chỉ đạo thống nhất nền tảng theo dõi và cập nhật nhiệm vụ              |

| STT       | Nhiệm vụ cụ thể                                                                                                                                                                                                                | Cơ quan chủ trì          | Cơ quan phối hợp                                                                        | Thời hạn hoàn thành                               | Sản phẩm/Kết quả                                                                                                                |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 33.       | Yêu cầu các sở, ngành, UBND cấp xã lồng ghép chỉ tiêu KH&CN, ĐMST, CDS vào kế hoạch công tác hằng năm, chương trình công tác trọng tâm                                                                                         | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh                                                       | Hàng năm từ 2026                                  | Văn bản hướng dẫn và kế hoạch công tác có lồng ghép chỉ tiêu được phê duyệt                                                     |
| 34.       | Thiết lập cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng của tỉnh Lào Cai với các cơ quan đối đẳng của tỉnh Vân Nam – Trung Quốc trong chia sẻ dữ liệu giao thương, hải quan điện tử, logistics thông minh, trao đổi nhân lực CNTT | Sở Ngoại vụ              | Sở Khoa học và Công nghệ, Cục Hải quan, Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Giáo dục và Đào tạo | Q1–Q3/2026                                        | Biên bản ghi nhớ hợp tác và kế hoạch phối hợp song phương ký kết                                                                |
| 35.       | Hợp tác với tổ chức quốc tế (UNDP, KOICA, JICA...), VINN, NIC để tìm cơ hội tài trợ, nâng cao năng lực                                                                                                                         | Sở Tài chính             | Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Ngoại vụ, Văn phòng UBND tỉnh                              | Từ năm 2026 trở đi                                | Biên bản hợp tác, đề xuất tài trợ kỹ thuật và kế hoạch nâng cao năng lực                                                        |
| 36.       | Tăng cường làm việc với Trung ương để đề xuất dự án hợp tác quốc tế vùng biên qua các chương trình ASEAN, ADB, WB, KOICA...                                                                                                    | Sở Tài chính             | Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Ngoại vụ, Văn phòng UBND tỉnh                              | Từ năm 2026 trở đi                                | Văn bản đề xuất dự án hợp tác quốc tế vùng biên gửi các cơ quan Trung ương                                                      |
| <b>II</b> | <b>Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ</b>                                                                                                                                                                             |                          |                                                                                         |                                                   |                                                                                                                                 |
| 37.       | Triển khai cập nhật nền tảng Hệ thống quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ                                                                                                                                                   | Sở Khoa học và Công nghệ | Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN                                                 | Sau khi có hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ | Hệ thống quản lý nhiệm vụ được cập nhật quản lý nhiệm vụ KHCN theo thời gian thực khi có hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ |
| 38.       | Xây dựng dự thảo Kế hoạch tổ chức Hội đồng tư vấn KHCN ĐMST, CDS cấp tỉnh                                                                                                                                                      | Sở Khoa học và Công nghệ | Văn phòng UBND tỉnh                                                                     | Tháng 2/2026                                      | Tờ trình; Dự thảo Kế hoạch, Hồ sơ, tài liệu Hội.                                                                                |

| STT        | Nhiệm vụ cụ thể                                                                                                                                                | Cơ quan chủ trì          | Cơ quan phối hợp                                            | Thời hạn hoàn thành | Sản phẩm/Kết quả                                     |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------|
| 39.        | Xây dựng Quy định quản lý Chương trình, nhiệm vụ KHCN sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh theo Nghị định 267/2025/NĐ-CP và Thông tư 36/2025/TT-BKHCN. | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ngành, địa phương                                   | Quý II/2026         | Quyết định của UBND tỉnh được ban hành               |
| 40.        | Hợp Hội đồng khoa học tỉnh xem xét, thẩm định danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh năm 2026                                                    | Sở Khoa học và Công nghệ | Hội đồng KHCN tỉnh                                          | Quý I/2026          | Danh mục nhiệm vụ KHCN năm 2026 được phê duyệt       |
| 41.        | Tổ chức Hội thảo khoa học cấp tỉnh lấy ý kiến tham vấn các chuyên gia, nhà khoa học về nhiệm vụ KHCN theo Nghị quyết 57                                        | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở ngành, địa phương                                    | Quý II/2026         | Hội thảo được tổ chức                                |
| 42.        | Tổ chức nghiệm thu các nhiệm vụ KHCN hết thời gian thực hiện trong 2026.                                                                                       | Sở Khoa học và Công nghệ | Hội đồng KHCN đánh giá nghiệm thu                           | Cả năm 2026         | Biên bản, hồ sơ nghiệm thu theo tiến độ các nhiệm vụ |
| <b>III</b> | <b>Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ</b>                                                                                                               |                          |                                                             |                     |                                                      |
| 43.        | Lộ trình đổi mới công nghệ các ngành kinh tế mũi nhọn tỉnh Lào Cai đến năm 2035                                                                                | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ                                    | Tháng 6/2026        | Quyết định của UBND tỉnh                             |
| 44.        | Hình thành 01 mô hình nhà máy sản xuất, chế biến các sản phẩm từ cây quế ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, chuyển đổi số                                  | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan, đơn vị liên quan | Tháng 10/2026       | Hình thành mô hình nhà máy sản xuất, chế biến        |
| 45.        | Hình thành 01 mô hình doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm từ tơ tằm ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số (theo quy trình khép kín)                        | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Nông nghiệp và Môi trường, Các cơ quan, đơn vị liên quan | Tháng 10/2026       | Hình thành mô hình doanh nghiệp                      |

| STT       | Nhiệm vụ cụ thể                                                                                                                   | Cơ quan chủ trì          | Cơ quan phối hợp                                                                                   | Thời hạn hoàn thành | Sản phẩm/Kết quả                                                           |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------|
| 46.       | Khai trương sàn giao dịch khoa học công nghệ tỉnh Lào Cai kết nối với sàn giao dịch công nghệ quốc gia                            | Sở Khoa học và Công nghệ | Các cơ quan, đơn vị liên quan                                                                      | Tháng 11/2026       | Sàn giao dịch khoa học công nghệ tỉnh Lào Cai được tổ chức khai trương     |
| 47.       | Ban hành danh mục các tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền thành lập, tổ chức lại, giải thể theo Quyết định 229/QĐ-TTg         | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh                                                         | Q4/2025 – Q1/2026   | Danh mục tổ chức KH&CN công lập ban hành đúng quy định                     |
| 48.       | Đầu tư cơ sở vật chất phát triển tổ chức KH&CN công lập, phù hợp với định hướng quy hoạch quốc gia và quy định pháp luật          | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Tài chính, Sở Xây dựng                                                                          | Từ 2026 trở đi      | Đề án đầu tư phát triển tổ chức KH&CN công lập trình UBND tỉnh phê duyệt   |
| 49.       | Phát triển một số tổ chức KH&CN hạt nhân theo mô hình nhà nước đầu tư hoặc PPP, ưu tiên trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ       | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Tài chính                                                                                       | Từ 2026 trở đi      | Danh mục tổ chức KH&CN hạt nhân và mô hình đầu tư được UBND tỉnh phê duyệt |
| 50.       | Tái cấu trúc mạng lưới tổ chức KH&CN: sáp nhập tổ chức trùng lặp, giải thể tổ chức kém hiệu quả, cổ phần hóa tổ chức đủ điều kiện | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Nội vụ, Sở Tài chính                                                                            | Từ 2026 trở đi      | Kế hoạch tái cấu trúc mạng lưới tổ chức KH&CN toàn tỉnh được ban hành      |
| <b>IV</b> | <b>Công nghệ và đổi mới sáng tạo</b>                                                                                              |                          |                                                                                                    |                     |                                                                            |
| 51.       | Xây dựng Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030                   | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ngành, địa phương, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan | Tháng 3/2026        | Kế hoạch được UBND tỉnh ban hành                                           |
| 52.       | Tổ chức hội thảo chuyển đổi số đối với doanh nghiệp/HTX/Hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh                                           | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ngành, địa phương, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, các doanh nghiệp và                         | Tháng 6/2026        | Kế hoạch, báo cáo và các văn bản tài liệu có liên quan                     |

| STT | Nhiệm vụ cụ thể                                                                                                                                                                                     | Cơ quan chủ trì                  | Cơ quan phối hợp                                                                                                                                | Thời hạn hoàn thành | Sản phẩm/Kết quả                                                                          |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                                                                                                     |                                  | các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan                                                                                                       |                     |                                                                                           |
| 53. | Triển khai thí điểm mô hình doanh nghiệp/HTX/Hộ kinh doanh số                                                                                                                                       | Sở Khoa học và Công nghệ         | Các sở, ngành, địa phương, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan | Tháng 6-12/2026     | Kế hoạch, ký kết chương trình phối hợp, báo cáo và các văn bản tài liệu khác có liên quan |
| 54. | Tổ chức điểm Hội nghị ký kết chương trình hợp tác 3 nhà “Nhà nước – Nhà trường – Nhà doanh nghiệp”                                                                                                  | Các Sở, ngành phụ trách lĩnh vực | Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục, doanh nghiệp và các đơn vị, địa                                                                     | Quý II-III/2026     | Kế hoạch, ký kết chương trình phối hợp, báo cáo và các văn bản tài liệu khác có liên quan |
| 55. | Tổ chức Chương trình ký kết phối hợp giữa doanh nghiệp công nghệ và các doanh nghiệp tham gia hoạt động chuyển đổi số                                                                               | Sở Khoa học và công nghệ         | Các sở, ngành, địa phương, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, các doanh nghiệp, và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan                           | Tháng 8/2026        | Kế hoạch, ký kết chương trình phối hợp, báo cáo và các văn bản tài liệu khác có liên quan |
| 56. | Tổ chức “Tuần lễ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo tỉnh Lào Cai năm 2026” bao gồm: <i>Hội nghị, hội thảo, cuộc thi ý tưởng, triển lãm sản phẩm công nghệ, sản phẩm đặc trưng... trên địa bàn tỉnh</i> | Sở Khoa học và Công nghệ         | Các sở, ngành, địa phương, doanh nghiệp và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan                                                            | Tháng 10/2026       | Kế hoạch, báo cáo và các văn bản tài liệu có liên quan                                    |
| 57. | Xây dựng, hình thành Mô hình vườn ươm/trung tâm đổi mới sáng tạo                                                                                                                                    | Các Sở, ngành phụ trách lĩnh vực | Sở Giáo dục và Đào tạo, Phân hiệu Đại học Thái nguyên tỉnh Lào Cai, Trường Cao đẳng Lào Cai,                                                    | Năm 2026            | Quyết định, Kế hoạch, báo cáo và các văn bản, tài liệu khác có liên quan                  |

| STT | Nhiệm vụ cụ thể                                                                                                                                                                                    | Cơ quan chủ trì          | Cơ quan phối hợp                                                       | Thời hạn hoàn thành | Sản phẩm/Kết quả                                                       |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                                                                                                    |                          | Tỉnh đoàn và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan                 |                     |                                                                        |
| 58. | Xây dựng Nghị quyết quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số                                              | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ngành, địa phương và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan | Năm 2026            | Nghị quyết, Quyết định của HĐND, UBND tỉnh được ban hành               |
| 59. | Tổ chức sự kiện thường niên “Ngày hội sáng tạo và công nghệ Lào Cai”                                                                                                                               | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ngành, địa phương và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan | Tháng 10/2026       | Kế hoạch, báo cáo và các văn bản tài liệu có liên quan                 |
| 60. | Tổ chức cuộc thi “Ý tưởng sáng tạo - Khởi nghiệp số Lào Cai” với các chủ đề nông nghiệp thông minh, du lịch số, công dân số, môi trường, giáo dục sáng tạo, qua đó tìm kiếm và ươm mầm ý tưởng mới | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ngành, địa phương và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan | Tháng 8-10/2026     | Kế hoạch, báo cáo và các văn bản tài liệu có liên quan                 |
| 61. | Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, thiết bị công nghệ, không gian sáng tạo tại Trung tâm phục vụ tổ chức sự kiện, đào tạo, tư vấn, trưng bày, làm việc chung                                               | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Tài chính, Sở Xây dựng                                              | Từ 2026 trở đi      | Kế hoạch nâng cấp và đầu tư hoàn thiện Trung tâm hỗ trợ ĐMST và CDS    |
| 62. | Xây dựng Nghị quyết thông qua Đề án thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm tỉnh Lào Cai                                                                                                                     | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh                                      | Q1–Q3/2026          | Đề án thành lập Quỹ trình UBND tỉnh ban hành và triển khai             |
| 63. | Tập trung hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo đặc thù tỉnh; doanh nghiệp nhỏ ứng dụng công nghệ mới; ý tưởng công nghệ trong mô hình sandbox                                                         | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các xã/phường       | Từ 2026 trở đi      | Danh mục đối tượng được hỗ trợ và kế hoạch phân bổ vốn cụ thể từng năm |

| STT | Nhiệm vụ cụ thể                                                                                                                                                           | Cơ quan chủ trì          | Cơ quan phối hợp                                                              | Thời hạn hoàn thành                         | Sản phẩm/Kết quả                                                     |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| 64. | Xây dựng chương trình cố vấn - đầu tư, kết nối với NIC, TECHFEST, VCCI, đại học, tập đoàn công nghệ để hỗ trợ chuyên môn và vốn đầu tư                                    | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Tài chính                                                                  | Từ 2026 trở đi                              | Chương trình cố vấn – đầu tư và danh sách đối tác chiến lược của Quỹ |
| 65. | Rà soát và đề xuất bổ sung chính sách cấp tỉnh về ưu đãi cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ mới           | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Tài chính, Sở Công Thương                                                  | Q2–Q4/2026                                  | Tờ trình đề xuất chính sách ưu đãi cấp tỉnh cho DN đổi mới sáng tạo  |
| 66. | Xây dựng cổng thông tin chính sách đổi mới sáng tạo, công khai quy định, mẫu hồ sơ, thủ tục, tiêu chí và kết quả giải quyết                                               | Sở Khoa học và Công nghệ | Văn phòng UBND tỉnh                                                           | Từ 2026 trở đi                              | Cổng thông tin chính sách ĐMST được vận hành và cập nhật định kỳ     |
| 67. | Tư vấn – hỗ trợ sau cuộc thi: kết nối quỹ đầu tư, đưa vào ương tạo, hỗ trợ tham gia TECHFEST, Startup Wheel, cuộc thi quốc gia                                            | Sở Khoa học và Công nghệ | Trung tâm ĐMST, NIC, quỹ đầu tư                                               | Ngay sau mỗi cuộc thi                       | Danh sách ý tưởng được hỗ trợ và tiến độ triển khai thực tế          |
| 68. | Kết nối và tham gia các sự kiện quốc gia: TECHFEST, AI Day, Startup Việt, Festival giáo dục sáng tạo...                                                                   | Sở Khoa học và Công nghệ | NIC, các đơn vị Bộ Khoa học và Công nghệ                                      | Tùy theo thời điểm tổ chức sự kiện quốc gia | Báo cáo tham gia sự kiện quốc gia và kế hoạch hỗ trợ tiếp theo       |
| 69. | Rà soát, lựa chọn ngành hàng chủ lực có tiềm năng phát triển theo hướng đổi mới sáng tạo: Công nghiệp chế biến, chế tạo; Du lịch; Kinh tế nông, lâm nghiệp và thủy sản... | Các sở, ngành            | Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Q2–Q3/2026                                  | Danh mục ngành hàng chủ lực định hướng ĐMST ban hành hằng năm        |
| 70. | Tuyên truyền, vận động các sản giao dịch TMĐT ưu tiên kết nối sản phẩm hàng hoá của tỉnh Lào Cai với chuỗi cung ứng hàng                                                  | Sở Công Thương           | Sở Khoa học và Công nghệ                                                      | Từ 2026 trở đi                              | Văn bản triển khai thực hiện                                         |

| STT       | Nhiệm vụ cụ thể                                                                                                                                                                    | Cơ quan chủ trì          | Cơ quan phối hợp                                                      | Thời hạn hoàn thành | Sản phẩm/Kết quả                                                                |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
|           | hoá trong nước, trong khu vực và hướng đến thị trường quốc tế                                                                                                                      |                          |                                                                       |                     |                                                                                 |
| 71.       | Nghiên cứu tham mưu trình Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng Nghị quyết quy định về nội dung và mức hỗ trợ kinh phí thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh Lào Cai | Sở Công Thương           | Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Văn phòng UBND tỉnh | Năm 2026            | Ban hành Nghị quyết để làm căn cứ triển khai thực hiện đạt hiệu quả, chất lượng |
| <b>V</b>  | <b>Sở hữu trí tuệ</b>                                                                                                                                                              |                          |                                                                       |                     |                                                                                 |
| 72.       | Phê duyệt nhiệm vụ về “Giải pháp phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ dựa trên nền tảng ứng dụng, chuyển giao công nghệ và khai thác tài sản trí tuệ”.                    | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ                                              | Tháng 6/2026        | Quyết định của UBND tỉnh                                                        |
| 73.       | Hỗ trợ phát triển nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý; hỗ trợ khai thác, quản lý, bảo vệ tài sản trí tuệ                                                       | Sở KH&CN                 | Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương                          | Từ 2026 trở đi      | Số nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý được xác lập và hướng dẫn quản lý                  |
| 74.       | Hỗ trợ thủ tục pháp lý bảo hộ sản phẩm sở hữu công nghiệp và hướng dẫn triển khai nhiệm vụ KH&CN cơ sở, thống kê kết quả                                                           | Sở KH&CN                 | Sở Tư pháp                                                            | Hàng năm từ 2026    | Hướng dẫn, biểu mẫu và kết quả đăng ký, thống kê nhiệm vụ KH&CN cơ sở           |
| <b>VI</b> | <b>Chuyển đổi số</b>                                                                                                                                                               |                          |                                                                       |                     |                                                                                 |
|           | Thực hiện theo Phụ lục II, Kế hoạch 215/KH-UBND ngày 31/12/2025                                                                                                                    |                          |                                                                       |                     |                                                                                 |